

Bản tin Phân tích kỹ thuật

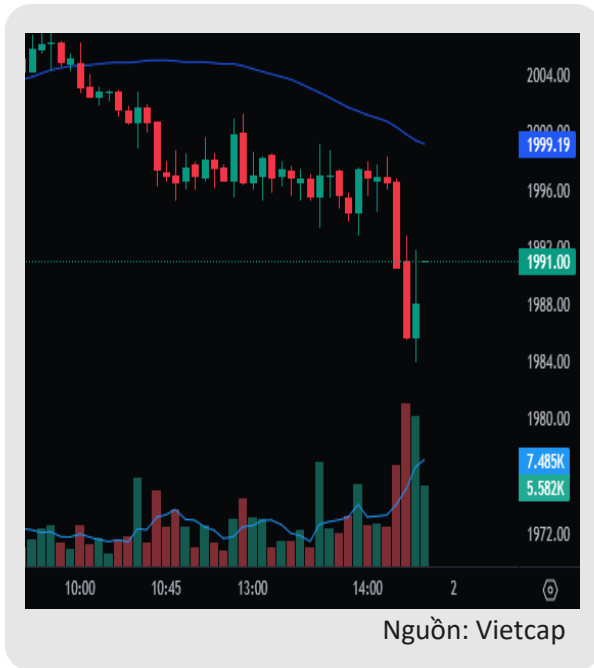
01/06/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111G6000 hồi phục sau khi tiếp cận vùng giá 1.984 điểm. Khối lượng giao dịch ở mức cao cho thấy hoạt động tăng giá đi kèm sự gia tăng từ lực mua. (M5)
- Dự báo hợp đồng sẽ kiểm định lại đường MA20 quanh 1.995 điểm. Khuyến nghị mở vị thế mua tại 1.988 điểm, mục tiêu là 1.995 điểm và dừng lỗ khi xuất hiện nến đóng cửa dưới ngưỡng 1.984 điểm.

Chiến lược:

- Mua (B): 1.988 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.995 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.984 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tiêu cực	Trung tính
VN30	Tiêu cực	Trung tính
VNMid	Tiêu cực	Trung tính
VNSmall	Tiêu cực	Tiêu cực
HNX	Tích cực	Tích cực

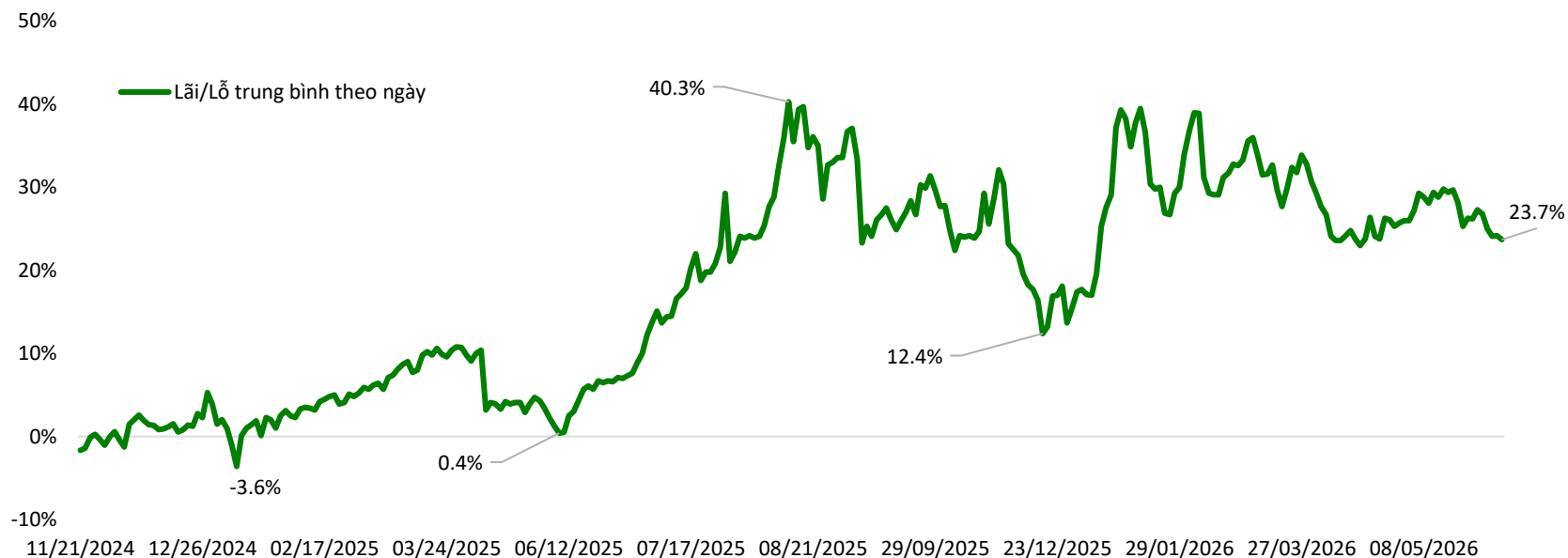


Nguồn: Vietcap

- VN-Index giảm trên thanh khoản thấp, áp lực bán được tiết chế tại phần lớn nhóm ngành như Ngân hàng, Dầu khí, Bán lẻ, Tiêu dùng và Vật liệu. Tuy nhiên, lực cầu quanh vùng giá thấp vẫn chưa cải thiện rõ, tương tự các phiên điều chỉnh gần đây.
- Về mặt kỹ thuật, chỉ số tiếp tục vận động dưới MA5 và MA20, cho thấy quán tính giảm ngắn hạn chưa được hóa giải. Dù vậy, độ rộng thị trường tích cực hơn với 158 mã tăng so với 129 mã giảm, cho thấy mức giảm phiên 01/06 chủ yếu chịu tác động từ nhóm Vingroup. Theo đó, VN-Index có thể xuất hiện nhịp hồi phục trong phiên 02/06, với kháng cự gần tại 1.865 điểm.
- Đánh giá tổng quan, áp lực bán thấp giúp giảm rủi ro điều chỉnh mạnh, nhưng lực cầu yếu khiến nhịp hồi phục nếu xuất hiện nhiều khả năng sẽ kém ổn định. Tín hiệu chỉ cải thiện khi lực mua gia tăng rõ hơn quanh vùng hỗ trợ 1.840–1.850 điểm. Khuyến nghị tạm chưa mở mới hoặc chỉ duy trì tỷ trọng thăm dò đối với các vị thế ngắn hạn.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
SAB	29/04/2026		Đang mở	47,200	47,500	-0.6%	46,000	53,600		
VPL	07/05/2026		Đang mở	92,200	88,000	4.8%	88,000	105,000	90,000	



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	204,900	-3.03%	-6.35%	1,578,966	-10.565	1,506	10.7	136.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VHM	152,000	-2.56%	-4.22%	624,327	-3.536	15,766	2.4	9.6	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Trung tính
GAS	84,900	-2.86%	3.54%	203,170	-1.284	4,808	2.9	17.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
BSR	28,600	-3.87%	1.42%	143,209	-1.223	2,612	2.1	11.0	Trung tính	Tích cực	Trung tính	Trung tính
MWG	79,100	3.67%	0.51%	116,152	0.942	5,552	3.3	14.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MCH	132,000	-2.22%	0.76%	171,516	-0.842	5,341	10.0	24.8	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
MSB	14,250	-6.86%	-1.38%	44,460	-0.674	1,884	1.0	7.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TCB	32,350	-1.22%	-0.61%	229,240	-0.618	3,677	1.3	8.8	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
GEE	105,800	3.62%	-4.68%	67,252	0.538	5,285	8.8	19.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
VRE	31,200	-3.26%	-4.88%	70,896	-0.510	3,025	1.4	10.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VPL	92,200	-1.39%	-3.66%	165,342	-0.508	1,405	4.3	65.6	Trung tính	Tích cực	Trung tính	Tích cực
FPT	72,700	1.54%	0.28%	124,186	0.421	5,691	3.2	12.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
STB	67,000	-1.47%	-4.29%	126,309	-0.410	2,454	2.1	27.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VCB	62,200	0.32%	-2.35%	519,723	0.370	4,301	2.2	14.5	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Tích cực
TCX	41,500	-1.19%	-4.38%	115,117	-0.303	2,202	2.5	18.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tích cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSF	103,100	9.91%	22.88%	92,768	6.517	14,074	5.3	7.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
THD	134,400	9.98%	60.77%	51,744	3.661	271	11.6	495.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HUT	15,600	-3.11%	0.00%	16,772	-0.369	491	1.5	32.0	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
KSV	158,400	1.41%	-3.71%	31,680	0.316	13,090	5.3	12.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
CEO	16,600	3.75%	0.61%	9,419	0.250	354	1.5	46.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	38,600	-1.03%	1.58%	19,741	-0.143	3,781	1.3	10.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	20,100	1.01%	2.03%	20,119	0.143	1,835	2.4	11.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SHS	18,200	1.11%	2.82%	16,370	0.129	1,463	1.3	12.4	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
VIT	24,800	-9.82%	-5.34%	1,706	-0.119	1,633	2.0	15.2	Trung tính	Tích cực	Trung tính	Trung tính
PVI	77,500	-0.90%	-0.64%	18,154	-0.115	5,641	2.1	13.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	92,100	-1.07%	-2.44%	281,717	-0.305	3,657	6.4	25.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
MVN	60,000	-1.64%	-3.23%	72,113	-0.119	1,955	4.9	30.7	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
F88	172,000	6.11%	10.33%	18,728	0.115	6,543	7.7	26.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VCR	36,000	-14.08%	0.84%	7,560	-0.107	-496	5.1	-72.6	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FOX	80,000	-1.72%	-3.03%	59,318	-0.103	4,791	5.0	16.8	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
ACV	43,700	-0.46%	-0.23%	156,118	-0.072	2,980	2.2	14.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TIN	130,800	4.72%	3.15%	11,891	0.057	15,995	4.8	8.2	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
IDP	285,000	2.33%	2.48%	17,614	0.041	5,055	5.3	56.4	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SNZ	29,000	-3.01%	-2.68%	10,934	-0.033	3,164	1.5	9.2	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MSR	39,300	-0.76%	-1.01%	43,274	-0.033	700	3.4	56.2	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Tích cực

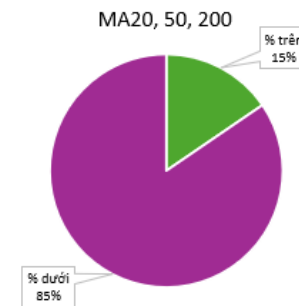
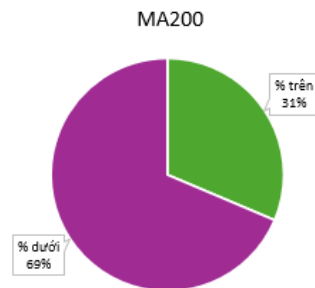
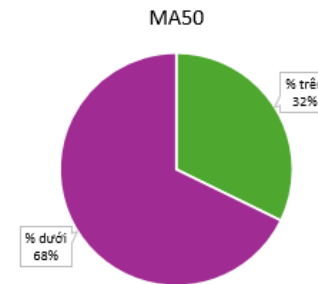
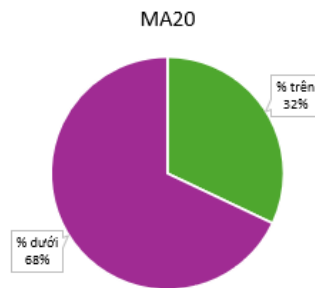
Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN													
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3	
KSF	103,100	9.9%	68.0	9.2	62,700	101,000	5.3	7.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN													
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3	
DGC	44,850	-3.5%	89.4	135.2	46,500	103,379	1.1	6.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
KHG	5,010	-0.2%	12.9	26.0	5,020	8,700	0.4	33.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
TV2	28,900	-1.2%	5.8	13.8	29,250	43,050	1.5	14.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
YEG	8,820	-1.8%	6.7	7.7	8,980	14,954	0.9	29.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	

KLGD ĐỘT BIẾN													
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3	
POM	4,800	2.1%	27.2	4.2	1,400	8,100	-1.7	-1.6	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực	
UNI	8,000	5.3%	30.3	1.4	7,400	11,500	0.8	-335.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tích cực	
BFC	59,200	6.9%	40.4	19.2	41,000	76,100	2.3	9.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	
F88	172,000	6.1%	80.8	17.1	68,349	276,000	7.7	26.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			01/06/2026	29/05/2026	28/05/2026	27/05/2026	26/05/2026	25/05/2026	22/05/2026	21/05/2026
VNINDEX	MA200	Trên	26%	26%	26%	25%	26%	25%	26%	26%
		Dưới	74%	74%	74%	75%	74%	75%	74%	74%
	MA50	Trên	34%	36%	34%	38%	37%	33%	32%	34%
		Dưới	66%	64%	66%	62%	63%	67%	68%	66%
	MA20	Trên	30%	29%	31%	36%	31%	26%	29%	28%
		Dưới	70%	71%	69%	64%	69%	74%	71%	72%
VN30	MA200	Trên	43%	47%	47%	43%	47%	43%	47%	47%
		Dưới	57%	53%	53%	57%	53%	57%	53%	53%
	MA50	Trên	53%	57%	57%	70%	70%	60%	50%	60%
		Dưới	47%	43%	43%	30%	30%	40%	50%	40%
	MA20	Trên	27%	30%	33%	47%	40%	30%	33%	37%
		Dưới	73%	70%	67%	53%	60%	70%	67%	63%
HNX	MA200	Trên	32%	31%	31%	32%	33%	33%	33%	32%
		Dưới	68%	69%	69%	68%	67%	67%	67%	68%
	MA50	Trên	32%	32%	32%	36%	37%	35%	36%	35%
		Dưới	68%	68%	68%	64%	63%	65%	64%	65%
	MA20	Trên	32%	31%	31%	32%	33%	33%	33%	32%
		Dưới	68%	69%	69%	68%	67%	67%	67%	68%
UPCOM	MA200	Trên	33%	33%	32%	32%	32%	31%	33%	30%
		Dưới	67%	67%	68%	68%	68%	69%	67%	70%
	MA50	Trên	32%	32%	31%	31%	32%	31%	31%	31%
		Dưới	68%	68%	69%	69%	68%	69%	69%	69%
	MA20	Trên	34%	34%	34%	34%	35%	35%	34%	35%
		Dưới	66%	66%	66%	66%	65%	65%	66%	65%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 16		Tháng 6								Tháng 5											
		01	29	28	27	26	25	22	21	20	19	18	15	14	13	12	11	08	07	06	05
1	Ngân hàng	52	57	59	58	52	48	48	49	50	53	54	55	54	54	55	57	58	57	54	53
2	Tài nguyên Cơ bản	49	55	54	52	52	51	48	45	47	50	50	52	57	56	56	56	62	61	55	53
3	Dịch vụ tài chính	47	49	50	53	51	49	42	39	42	47	46	44	44	43	44	44	47	52	43	38
4	Du lịch và Giải trí	44	44	44	48	48	43	45	45	43	37	42	47	50	51	50	51	59	59	57	54
5	Thực phẩm và đồ uống...	43	43	45	45	45	47	46	45	47	47	48	48	49	49	52	52	55	55	53	49
6	Ô tô và phụ tùng	43	42	39	31	28	28	29	31	33	31	31	31	31	32	33	39	45	48	45	46
7	Bất động sản	39	40	41	41	39	38	38	43	48	53	55	55	53	54	54	56	63	65	63	63
8	Bảo hiểm	39	-	-	-	-	31	33	27	30	35	30	25	28	27	24	22	22	20	18	19
9	Hàng & Dịch vụ Cộn...	36	41	42	43	43	43	48	51	53	55	53	52	54	52	52	52	53	53	51	48
10	Điện, nước & xăng d...	34	42	43	41	42	37	38	37	40	40	40	40	38	36	35	36	38	40	37	35
11	Xây dựng và Vật liệu	33	38	39	38	39	28	30	29	31	32	33	37	42	43	44	45	50	53	54	53
12	Bán lẻ	32	33	34	34	33	32	32	30	28	27	31	37	38	37	39	43	51	46	44	42
13	Hóa chất	32	41	40	42	41	42	44	46	47	53	53	50	51	50	49	48	52	55	52	51
14	Dầu khí	29	37	35	39	42	46	53	57	56	62	62	56	57	50	41	37	40	46	50	43
15	Công nghệ Thông tin	22	24	24	27	26	28	29	28	26	22	20	17	16	12	12	13	17	17	19	17
16	Hàng cá nhân & Gia ...	20	21	21	23	24	24	25	24	24	25	25	26	28	28	29	34	40	38	33	34

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
ACB	24,900	0.0%	5.7%	127,903	1.3	7.9	3,167	395.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KSF	103,100	9.9%	22.9%	92,768	5.3	7.3	14,074	68.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ABB	15,600	0.0%	0.6%	22,002	1.2	5.0	3,184	17.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPI	62,800	0.8%	3.0%	20,131	3.8	72.7	865	86.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
F88	172,000	6.1%	10.3%	18,728	7.7	26.0	6,543	80.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KDC	51,200	2.4%	5.8%	14,838	2.2	24.4	2,100	22.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VLB	48,900	4.0%	6.3%	2,284	2.9	7.2	6,787	5.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tiêu cực	Trung tính
AAN	22,900	-2.6%	19.0%	1,489	1.6	20.8	1,103	11.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
C69	18,000	-0.6%	0.6%	1,094	1.5	21.4	828	12.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PHR	67,800	0.7%	2.3%	9,187	2.1	13.9	4,885	25.6	Tích cực	7.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
TVN	11,400	-0.9%	-1.7%	7,715	0.9	12.6	907	8.4	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PET	49,600	0.9%	2.1%	5,293	2.2	18.0	2,758	23.9	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NAF	52,600	-1.9%	1.0%	3,224	3.9	17.4	3,033	42.1	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DVP	77,900	2.6%	2.2%	3,116	2.0	9.3	8,398	5.2	Tích cực	7.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
OCH	8,300	-9.8%	3.8%	1,660	1.0	20.7	402	7.3	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GAS	84,900	-2.9%	3.5%	203,170	2.9	17.5	4,808	106.0	Tích cực	6.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
VND	17,550	4.2%	2.6%	26,716	1.3	12.2	1,435	346.0	Tích cực	6.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực
SHS	18,200	1.1%	2.8%	16,370	1.3	12.4	1,463	211.5	Tích cực	6.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực
BIC	24,650	2.7%	5.1%	4,981	1.5	10.5	2,344	5.5	Tích cực	6.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
POM	4,800	2.1%	0.0%	1,365	-1.7	-1.6	-3,077	27.2	Tích cực	6.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
FRT	128,500	-1.3%	-1.2%	21,645	4.9	23.7	5,368	37.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VSC	19,900	-0.5%	-2.5%	7,431	1.4	27.2	731	23.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ANV	21,700	0.0%	-1.8%	5,751	1.6	5.4	3,992	7.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	23,500	3.8%	-6.0%	4,230	1.3	18.0	1,309	18.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KHG	5,010	-0.2%	-0.8%	2,252	0.4	33.7	149	12.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TV2	28,900	-1.2%	-4.9%	1,945	1.5	14.6	1,971	5.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
LCG	9,080	-0.5%	-1.4%	1,897	0.7	13.0	705	9.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
YEG	8,820	-1.8%	-4.6%	1,812	0.9	29.9	296	6.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CRC	6,450	2.4%	-20.4%	686	0.6	8.3	772	5.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	34,700	-0.3%	-0.3%	268,348	1.4	7.0	4,906	162.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VNM	59,000	-0.3%	-0.2%	123,516	3.8	12.0	4,914	125.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCX	41,500	-1.2%	-4.4%	115,117	2.5	18.9	2,202	44.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tích cực
MSN	74,500	-0.3%	-3.5%	108,010	3.0	22.9	3,268	138.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSI	27,450	-0.2%	0.0%	68,381	1.7	12.8	2,153	322.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
EIB	21,350	0.2%	-0.7%	39,862	1.5	53.3	401	64.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
KBC	30,400	-0.3%	-3.0%	28,629	1.1	17.7	1,714	67.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCI	24,750	0.4%	0.0%	28,347	1.6	18.8	1,314	84.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HAG	15,400	0.7%	-0.3%	19,581	1.3	6.2	2,495	21.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	42,800	1.2%	-0.8%	19,189	2.2	14.8	2,896	12.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SBT	20,300	-0.2%	-3.1%	18,400	1.6	23.9	849	14.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STK	11,700	-0.85%	-7.51%	25,500	117.9%	(143)	1.0	-81.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	44,850	-3.55%	-7.53%	91,200	103.3%	6,911	1.1	6.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	22,650	0.44%	-1.09%	42,600	88.1%	1,077	1.4	21.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
SZC	23,500	3.75%	-6.00%	42,400	80.4%	1,309	1.3	18.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	26,750	1.33%	2.29%	45,800	71.2%	1,599	1.0	16.7	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
TV2	28,900	-1.20%	-4.93%	49,000	70.1%	1,971	1.5	14.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	72,700	1.54%	0.28%	116,600	59.9%	5,691	3.2	12.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	14,700	0.34%	0.68%	23,100	57.1%	1,676	0.7	8.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VGC	42,800	1.18%	-0.81%	66,800	56.1%	2,896	2.2	14.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	38,600	-1.03%	1.58%	60,000	55.4%	3,781	1.3	10.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	23,400	0.00%	0.21%	36,200	54.7%	1,798	1.3	13.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	24,050	0.21%	-0.21%	35,400	47.2%	2,499	1.5	9.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLC	21,800	0.00%	0.00%	31,900	45.7%	(99)	1.4	-222.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	34,700	-0.29%	-0.29%	50,000	44.7%	4,906	1.4	7.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	25,050	0.20%	1.01%	36,000	43.4%	3,442	1.4	7.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	26,950	-0.55%	-0.19%	38,000	41.0%	3,314	1.2	8.1	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
FRT	128,500	-1.31%	-1.23%	178,800	40.7%	5,368	4.9	23.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDC	17,650	0.86%	-1.67%	24,600	39.8%	3,419	1.2	5.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVT	22,200	0.00%	0.91%	30,800	39.4%	2,433	1.2	9.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MCH	132,000	-2.22%	0.76%	181,700	37.1%	5,341	10.0	24.8	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

Managing Director

Brokerage

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn